

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
Số: 23/QLCD-SBM/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
Tên giao dịch: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
Trụ sở chính: Số 20, Phố Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Điện thoại: (024)37764615 Fax: (024)37764614
Mã chứng khoán: SBM

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Minh Tú

Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được kiểm toán soát xét của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

- Công văn giải trình chênh lệch LNST bán niên năm 2023 so với bán niên năm 2022 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

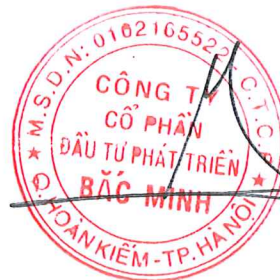
Để thực hiện việc Công bố thông tin theo đúng quy định, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh kính báo cáo tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cơ quan quản lý công văn Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu: BPQLCD

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
GIÁM ĐỐC

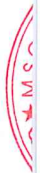


Vũ Minh Tú

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

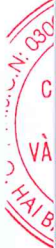
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
BẮC MINH**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10-32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

1. Thông tin chung về Công ty.

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102165522, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 12 ngày 25/11/2022.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Sản xuất điện.

Tên tiếng anh: BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SBM., JSC

Mã chứng khoán: SBM (UpCom)

Trụ sở chính: Số 20, phố Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Đình Lượng	Chủ tịch
Ông	Vũ Minh Tú	Thành viên
Ông	Đỗ Minh Đức	Thành viên
Ông	Lại Hợp Quốc	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Kim Lan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Quốc Thái	Thành viên
Ông	Lê Lam Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2023)
Ông	Tường Thế Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/4/2023)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Vũ Minh Tú	Giám đốc
Ông	Nguyễn Tài Tuấn	Phó Giám đốc
Ông	Lê Đắc Dân	Phó Giám đốc
Bà	Bùi Tuyết Vân	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông	Vũ Minh Tú	Giám đốc
-----	------------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC (“MOORE AISIC”) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Minh Tú

Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Số: B0723073-SXR/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11/8/2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và năm tài chính 2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty tại ngày 10/8/2022 và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty tại ngày 06/3/2023.



Nguyễn Thị Phương**Phó Giám đốc***Số Giấy CNDKHNKT: 4945-2019-005-1*

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC*TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.474.768.820	60.995.301.838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.694.240.635	31.817.664.074
1. Tiền	111		12.694.240.635	4.817.664.074
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	27.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.457.847.890	28.168.369.108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.296.561.149	26.437.868.211
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	725.891.600	404.287.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	435.395.141	1.326.213.697
III. Hàng tồn kho	140	V.5	36.884.854	949.347.885
1. Hàng tồn kho	141		36.884.854	949.347.885
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		285.795.441	59.920.771
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	54.399.441	59.920.771
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	231.396.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		615.481.100.445	636.896.204.848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		601.411.620.259	622.481.593.095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	601.411.620.259	622.481.593.095
- Nguyên giá	222		1.309.195.876.073	1.309.183.245.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(707.784.255.814)	(686.701.652.055)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	7.313.256.569	7.313.256.569
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.313.256.569	7.313.256.569
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.746.223.617	7.091.355.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.928.156.402	5.010.506.409
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.5	2.818.067.215	2.080.848.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		654.955.869.265	697.891.506.686



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.882.386.371	87.054.763.307
I. Nợ ngắn hạn	310		54.744.136.371	83.916.513.307
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	3.190.523.195	3.269.779.385
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	6.173.033.039	13.892.560.596
3. Phải trả người lao động	314		2.440.338.082	5.205.313.575
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	193.143.373	335.521.659
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10.354.469.454	2.157.383.662
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	31.425.777.876	56.496.266.678
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		966.851.352	2.559.687.752
II. Nợ dài hạn	330		3.138.250.000	3.138.250.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	3.138.250.000	3.138.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		597.073.482.894	610.836.743.379
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	597.073.482.894	610.836.743.379
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		450.449.530.000	450.449.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.449.530.000	450.449.530.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.069.702.570	8.069.702.570
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.554.250.324	152.317.510.809
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		107.272.557.809	51.171.600.219
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.281.692.515	101.145.910.590
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		654.955.869.265	697.891.506.686



Tạ Thị Thanh Vân
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023



Bùi Tuyết Vân
Kế toán trưởng



Vũ Minh Tú
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.459.158.700	149.876.499.098
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	83.459.158.700	149.876.499.098
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45.454.961.586	58.591.220.596
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.004.197.114	91.285.278.502
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	823.678.306	88.751.118
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.609.223.029	5.373.477.694
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.608.877.243	5.180.102.733
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.815.115.939	2.747.490.242
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		33.403.536.452	83.253.061.684
9. Thu nhập khác	31	VI.6	-	409.090.909
10. Chi phí khác	32	VI.7	42.484	14.376.253
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(42.484)	394.714.656
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.403.493.968	83.647.776.340
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.121.801.453	5.567.637.922
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		31.281.692.515	78.080.138.418
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	694,45	1.906,72



Tạ Thị Thanh Vân
Người lập biểu

TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023



Bùi Tuyết Vân
Kế toán trưởng



Vũ Minh Tú
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.403.493.968	83.647.776.340
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	21.119.696.473	28.401.964.002
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		345.786	63.997.035
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(823.678.306)	(83.076.402)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.608.877.243	5.180.102.733
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.308.735.164	117.210.763.708
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		1.479.125.218	(26.009.145.354)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		175.244.591	(415.704.504)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.162.516.706)	1.190.999.188
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.087.871.337	(1.942.575.378)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.756.255.529)	(5.378.336.895)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.660.856.494)	(2.474.078.245)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.592.836.400)	(54.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.878.511.181	82.127.922.520
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(49.723.637)	(3.281.150.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	450.000.000
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		823.678.306	83.076.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		773.954.669	(2.748.073.598)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		33.326.503.792	41.637.998.281
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.396.992.594)	(87.906.109.777)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.705.468.750)	(19.501.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(61.775.957.552)	(65.769.651.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(19.123.491.702)	13.610.197.426
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.817.664.074	14.968.980.707
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68.263	1.248.395
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	12.694.240.635	28.580.426.528

Tạ Thị Thanh Vân

Người lập biểu

TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Bùi Tuyết Vân

Kế toán trưởng



Vũ Minh Tú

Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102165522, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 12 ngày 25/11/2022.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**Tên viết tắt:** SBM., JSC**Mã chứng khoán:** SBM (UpCom)**Trụ sở chính:** Số 20, phố Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 107 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 107 nhân viên)**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3005
CH
CÔNG
KIẾ
Ả DICH
MOC
SA TR

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước - xuất trước.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Tại thời điểm 30/6/2023, Công ty đang khai thác 5 nhà máy thủy điện: Nhà máy thủy điện Suối Sập 3, Nhà máy thủy điện Tà Cọ, Nhà máy thủy điện Thoong Gót, Nhà máy thủy điện Nà Tầu và Nhà máy thủy điện Nậm Công 3. Một số nhà máy thủy điện vẫn đang trong thời gian áp dụng hình thức ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể:

- Nhà máy thủy điện Suối Sập 3 và Nhà máy thủy điện Tà Cọ được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong năm 2023 là 10% và miễn giảm 50%.
- Nhà máy thủy điện Nà Tầu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong năm 2023 là 20% và miễn giảm 50%.
- Nhà máy thủy điện Nậm Công 3 được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong năm 2023 là 10%.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý. Ban Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do Công ty chỉ có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là sản xuất điện.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2023	01/01/2023
Tiền	12.694.240.635	4.817.664.074
Tiền mặt	1.257.956.695	618.459.455
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.436.283.940	4.199.204.619
Các khoản tương đương tiền	-	27.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống (*)	-	27.000.000.000
Cộng	12.694.240.635	31.817.664.074

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,6%-4,8%/năm.

2. Phải thu của khách hàng	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	25.296.561.149	-	26.437.868.211	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	25.296.561.149	-	26.437.868.211	-
Cộng	25.296.561.149	-	26.437.868.211	-
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan				
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	25.296.561.149	-	26.437.868.211	-
Cộng	25.296.561.149	-	26.437.868.211	-

3. Trả trước cho người bán	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	725.891.600	-	404.287.200	-
Công ty TNHH Thiết bị Vu Gia	423.561.600	-	141.187.200	-
Công ty CP Tư vấn và Thiết bị Năng lượng	106.000.000	-	106.000.000	-
Trung tâm Thông tin - Kinh tế Tài nguyên nước	109.000.000	-	109.000.000	-
Các đối tượng khác	87.330.000	-	48.100.000	-
Cộng	725.891.600	-	404.287.200	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	435.395.141	-	1.326.213.697	-
Tạm ứng	422.076.500	-	813.957.960	-
Phải thu khác	13.318.641	-	512.255.737	-
b. Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	445.395.141	-	1.336.213.697	-

5. Hàng tồn kho	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	36.884.854	-	20.028.545	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	929.319.340	-
Cộng	36.884.854	-	949.347.885	-
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế cho các nhà máy thủy điện	2.818.067.215	-	2.080.848.775	-
Cộng	2.818.067.215	-	2.080.848.775	-

6. Tài sản dở dang dài hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	7.313.256.569	-	7.313.256.569	-
Xây dựng cơ bản	7.313.256.569	-	7.313.256.569	-
Hệ thống van NMTĐ Tà Cọ (*)	3.711.150.000	-	3.711.150.000	-
Hệ thống đập cao su NMTĐ Tà Cọ (**)	3.602.106.569	-	3.602.106.569	-
Cộng	7.313.256.569	-	7.313.256.569	-

(*): Đối với Hệ thống van nhà máy thủy điện Tà Cọ, đây là chi phí xây dựng cơ bản chưa hoàn thành và chưa tiến hành nghiệm thu nên chưa thực hiện quyết toán giá trị đối với hạng mục này.

(**): Đối với Hệ thống đập cao su nhà máy thủy điện Tà Cọ chưa hoàn thành do đến thời điểm hiện tại chi thực hiện đền bù được đối với các hộ dân thuộc khu vực bản Tà Cọ, đối với các hộ dân thuộc khu vực bản Co Hính Công ty mới chi thực hiện đền bù được 05/07 hộ dân, còn 02 hộ dân nữa vẫn chưa thống nhất được phương án, giá trị đền bù.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	951.146.949.145	350.901.661.838	6.860.759.017	273.875.150	1.309.183.245.150
<i>Mua trong kỳ</i>	49.723.637	-	-	-	49.723.637
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	(37.092.714)	(37.092.714)
Số dư cuối kỳ	951.196.672.782	350.901.661.838	6.860.759.017	236.782.436	1.309.195.876.073
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	357.861.363.060	324.825.953.389	3.810.363.196	203.972.410	686.701.652.055
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	17.393.354.527	3.275.328.834	433.060.224	17.952.888	21.119.696.473
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	(37.092.714)	(37.092.714)
Số dư cuối kỳ	375.254.717.587	328.101.282.223	4.243.423.420	184.832.584	707.784.255.814
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	593.285.586.085	26.075.708.449	3.050.395.821	69.902.740	622.481.593.095
Số dư cuối kỳ	575.941.955.195	22.800.379.615	2.617.335.597	51.949.852	601.411.620.259

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 585.774.426.393 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 276.799.075.028 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí trả trước	30/6/2023		01/01/2023	
Chi phí trả trước ngắn hạn		54.399.441		59.920.771
Chi phí mua bảo hiểm		54.399.441		59.920.771
Chi phí trả trước dài hạn		3.928.156.402		5.010.506.409
Công cụ dụng cụ		132.653.870		209.957.741
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản		3.603.912.532		4.559.250.196
Chi phí trả trước khác		191.590.000		241.298.472
Cộng		3.982.555.843		5.070.427.180
9. Phải trả người bán	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.190.523.195	3.190.523.195	3.269.779.385	3.269.779.385
Công ty TNHH Kỹ thuật và thiết bị TB Hydro VN	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La	598.944.348	598.944.348	1.279.423.152	1.279.423.152
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đăng Khoa	508.465.100	508.465.100	-	-
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp - CN Tổng Công ty Phát điện 3	510.417.600	510.417.600	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hải Phú Hà	294.441.290	294.441.290	348.204.982	348.204.982
Các đối tượng khác	528.254.857	528.254.857	892.151.251	892.151.251
Cộng	3.190.523.195	3.190.523.195	3.269.779.385	3.269.779.385
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2023		30/6/2023	
		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.057.684.023	7.225.970.274	7.613.989.636	1.669.664.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.614.715.590	2.121.801.453	9.660.856.494	2.075.660.549
Thuế thu nhập cá nhân	1.305.926.956	1.479.965.944	1.490.289.241	1.295.603.659
Thuế tài nguyên	914.234.027	3.385.463.018	3.167.592.875	1.132.104.170
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	46.862.050	46.862.050	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.342.834.440	1.342.834.440	-
Cộng	13.892.560.596	15.602.897.179	23.322.424.736	6.173.033.039
b. Phải thu				
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	231.396.000	231.396.000
Cộng	-	-	231.396.000	231.396.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
11. Chi phí phải trả		
a. Ngắn hạn	193.143.373	335.521.659
Chi phí lãi vay	148.143.373	295.521.659
Chi phí trích trước khác	45.000.000	40.000.000
Cộng	193.143.373	335.521.659
12. Phải trả khác	30/6/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	95.311.814	237.710.272
Cổ tức phải trả	9.647.426.243	1.307.941.993
Các khoản phải trả, phải nộp khác	611.731.397	611.731.397
Cộng	10.354.469.454	2.157.383.662

051
CH
CÔNG
KI
À D
MC
BA 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	31.425.777.876	31.425.777.876	33.326.503.792	58.396.992.594	56.496.266.678	56.496.266.678
<i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>	<i>31.425.777.876</i>	<i>31.425.777.876</i>	<i>33.326.503.792</i>	<i>58.396.992.594</i>	<i>56.496.266.678</i>	<i>56.496.266.678</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (1)	22.089.748.238	22.089.748.238	33.326.503.792	46.050.292.594	34.813.537.040	34.813.537.040
Vay dài hạn đến hạn trả	9.336.029.638	9.336.029.638	-	12.346.700.000	21.682.729.638	21.682.729.638
b. Vay dài hạn	3.138.250.000	3.138.250.000	-	-	3.138.250.000	3.138.250.000
<i>Vay ngân hàng dài hạn</i>	<i>3.138.250.000</i>	<i>3.138.250.000</i>	-	-	<i>3.138.250.000</i>	<i>3.138.250.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (2)	3.059.529.638	3.059.529.638	-	6.070.200.000	9.129.729.638	9.129.729.638
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Long Biên (3)	9.414.750.000	9.414.750.000	-	6.276.500.000	15.691.250.000	15.691.250.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(9.336.029.638)	(9.336.029.638)	-	(12.346.700.000)	(21.682.729.638)	(21.682.729.638)
Cộng	34.564.027.876	34.564.027.876	33.326.503.792	58.396.992.594	59.634.516.678	59.634.516.678

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 30/6/2023	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (1)						
Số 01/2022/2329335/HĐTD ngày 05/10/2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28/12/2022	05 tháng kể từ ngày giải ngân của từng giấy nhận nợ	Từ 9%-9,5%/năm	50.000.000.000	22.089.748.238	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Nhà máy thủy điện Suối Sập 3, nhà máy thủy điện Thoang Gót

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng (tiếp theo)

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 30/6/2023	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (2)						
Hợp đồng số 02/2019/2329335/HĐTD ngày 18/11/2019	04 năm 11 tháng, tối đa đến ngày 18/10/2023	10,7%/năm		1.557.544.581	Thanh toán dư nợ gốc của khoản vay Dự án Nhà máy thủy điện Nà Tầu của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 130.0123/2013/HĐTD-LPBBN ngày 03/10/2013	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Nhà máy thủy điện Nà Tầu; Thẻ chấp máy móc thiết bị của Nhà máy thủy điện Nà Tầu; toàn bộ quyền đòi nợ, quyền tài sản, quyền thụ hưởng bảo hiểm (nếu phát sinh) liên quan đến Dự án Nhà máy thủy điện Nà Tầu.
Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2020/2329335/HĐTD ngày 16/10/2020	36 tháng	10,7%/năm	3.500.000.000	574.000.000	Xây dựng nhà quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Nà Tầu	Tổng giá trị tài sản thế chấp là 69.683.328.243 đồng được quy định tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/20220/2329335/HĐTC ngày 13/01/2020 và Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 02/2020/2329335/HĐTC ngày 13/01/2020
Hợp đồng tín dụng số 01/2022/2329335/HĐTD ngày 10/05/2022	24 tháng	9,8%/năm	6.100.000.000	927.985.057	Cho vay phục vụ nhu cầu sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Suối Sập, Tà Cọ, Nà Tầu	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Nhà máy thủy điện Suối Sập 3; Toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Nhà máy thủy điện Thoong Gót; Thẻ chấp máy móc thiết bị của Nhà máy thủy điện Suối Sập 3, nhà máy thủy điện Thoong Gót; Toàn bộ quyền đòi nợ, quyền tài sản, quyền thụ hưởng bảo hiểm (nếu phát sinh) liên quan đến dự án Nhà máy thủy điện Suối Sập 3
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Long Biên (3)						
Hợp đồng tín dụng 1701- LAV-201400195 ngày 06/03/2014.	120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	11,7%/năm	125.530.000.000	9.414.750.000	Thanh toán tiền mua nhà máy thủy điện Nậm Công 3	Tài sản đảm bảo là NMTĐ Nậm Công 3 và các công trình phụ trợ trên diện tích thuê 190,200 m2; đường dây 35kV có tổng chiều dài tuyến 5468m
Cộng				34.564.027.876		

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	409.499.820.000	8.069.702.570	133.115.332.069	550.684.854.639
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	78.080.138.418	78.080.138.418
Giảm khác	-	-	(44.039.850)	(44.039.850)
Số dư cuối kỳ trước	409.499.820.000	8.069.702.570	211.151.430.637	628.720.953.207
Số dư đầu kỳ nay	450.449.530.000	8.069.702.570	152.317.510.809	610.836.743.379
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	31.281.692.515	31.281.692.515
Phân phối lợi nhuận	-	-	(45.044.953.000)	(45.044.953.000)
Số dư cuối kỳ nay	450.449.530.000	8.069.702.570	138.554.250.324	597.073.482.894

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 22/NQ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 27/04/2023 thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2022, tổng số tiền là 135.134.859.000 đồng, chi tiết như sau:

Nội dung	Số tiền	Diễn giải
+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2022:	45.044.953.000	Tạm chi cổ tức 10%, đã thực hiện trong năm 2022
+ Chi trả cổ tức bằng tiền đợt 1:	45.044.953.000	Đã thực hiện trong Quý 2/2023.
+ Chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2:	45.044.953.000	Chưa thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2023, sẽ chi trả theo kế hoạch dòng tiền của Công ty
Cộng	135.134.859.000	

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2023	01/01/2023
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	18,61%	83.851.080.000	83.851.080.000
Các cổ đông khác	81,39%	366.598.450.000	366.598.450.000
Cộng	100,00%	450.449.530.000	450.449.530.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	450.449.530.000	409.499.820.000
Vốn góp đầu kỳ	450.449.530.000	409.499.820.000
Vốn góp cuối kỳ	450.449.530.000	409.499.820.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.705.468.750	19.501.540.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.044.953	40.949.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.044.953	40.949.982
Cổ phiếu phổ thông	45.044.953	40.949.982
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.044.953	40.949.982
Cổ phiếu phổ thông	45.044.953	40.949.982
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	8.069.702.570	8.069.702.570
Cộng	8.069.702.570	8.069.702.570

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	30/6/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị (USD)	Số lượng	Giá trị (USD)
USD	2.754,30	64.533.249	2.767,50	64.773.338
Cộng	2.754,30	64.533.249	2.767,50	64.773.338

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu và doanh thu thuần		
Doanh thu kinh doanh điện	83.459.158.700	149.876.499.098
Cộng	83.459.158.700	149.876.499.098
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn kinh doanh điện	45.454.961.586	58.591.220.596
Cộng	45.454.961.586	58.591.220.596
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	823.678.306	83.076.402
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.674.716
Cộng	823.678.306	88.751.118
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	2.608.877.243	5.180.102.733
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	129.377.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	345.786	63.997.035
Cộng	2.609.223.029	5.373.477.694
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	875.066.716	874.424.599
Chi phí vật liệu, bao bì, đồ dùng văn phòng	43.922.103	112.211.134
Chi phí khấu hao TSCĐ	445.558.566	204.559.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	840.745.195	25.016.024
Chi phí bằng tiền khác	609.823.359	1.531.278.625
Cộng	2.815.115.939	2.747.490.242
6. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	409.090.909
Cộng	-	409.090.909

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
7. Chi phí khác		
Các khoản khác	42.484	14.376.253
Cộng	42.484	14.376.253
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	635.775.661	707.708.353
Chi phí nhân công	11.509.405.480	12.109.910.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.119.696.473	28.401.864.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.208.914.240	1.170.372.156
Chi phí khác bằng tiền	7.796.285.671	18.948.855.395
Cộng	48.270.077.525	61.338.710.838
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.403.493.968	83.647.776.340
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hưởng ưu đãi thuế	32.701.904.746	79.468.143.992
+ Nhà máy thủy điện Suối Sập 3	11.370.473.305	21.041.308.926
+ Nhà máy thủy điện Nậm Công 3	3.081.764.429	9.539.476.641
+ Nhà máy thủy điện Tà Cọ	21.176.725.035	44.179.226.596
+ Nhà máy thủy điện Nà Tấu	(2.927.058.023)	4.708.131.829
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế	701.589.222	4.179.632.348
+ Nhà máy thủy điện Thoong Gót	701.589.222	3.770.541.439
+ Lợi nhuận khác	-	409.090.909
2. Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	832.164.008	744.327.920
- Các khoản chi phí không được trừ	832.164.008	744.327.920
+ Thù lao HĐQT không điều hành trực tiếp	288.000.000	288.000.000
+ Chi phí khấu hao tài sản theo biên bản thanh tra thuế	383.225.000	383.225.000
+ Khấu hao xe Toyota Landcruiser có nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ đồng	160.939.008	58.726.667
+ Các khoản chi phí không được trừ khác	-	14.376.253
3. Thu nhập tính thuế	34.235.657.976	84.392.104.260
Trong đó:		
+ Lỗ của nhà máy thủy điện Nà Tấu	(2.884.724.136)	-
+ Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế suất 5%	33.254.064.533	65.839.390.482
+ Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế suất 10%	3.141.652.892	14.348.743.578
+ Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	724.664.687	4.203.970.200
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.121.801.453	5.567.637.922

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.281.692.515	78.080.138.418
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.281.692.515	78.080.138.418
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.044.953	40.949.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	694,45	1.906,72

11. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Tại ngày 30/6/2023		
VND	+100	(218.697.872)
VND	-100	218.697.872
Tại ngày 01/01/2023		
VND	+100	(278.168.526)
VND	-100	278.168.526

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 năm trở lên</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30/6/2023			
Các khoản vay và nợ	31.425.777.876	3.138.250.000	34.564.027.876
Phải trả người bán	3.190.523.195	-	3.190.523.195
Chi phí phải trả	193.143.373	-	193.143.373
Các khoản phải trả khác	10.259.157.640	-	10.259.157.640
Cộng	45.068.602.084	3.138.250.000	48.206.852.084
Ngày 01/01/2023			
Các khoản vay và nợ	56.496.266.678	3.138.250.000	59.634.516.678
Phải trả người bán	3.269.779.385	-	3.269.779.385
Chi phí phải trả	335.521.659	-	335.521.659
Các khoản phải trả khác	1.919.673.390	-	1.919.673.390
Cộng	62.021.241.112	3.138.250.000	65.159.491.112

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền đòi nợ, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.13 - Vay và nợ thuê tài chính).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/6/2023		01/01/2023		30/6/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.694.240.635	-	31.817.664.074	-	12.694.240.635	31.817.664.074
- Phải thu khách hàng	25.296.561.149	-	26.437.868.211	-	25.296.561.149	26.437.868.211
- Phải thu khác	23.318.641	-	522.255.737	-	23.318.641	522.255.737
TỔNG CỘNG	38.014.120.425	-	58.777.788.022	-	38.014.120.425	58.777.788.022
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	34.564.027.876	-	59.634.516.678	-	34.564.027.876	59.634.516.678
- Phải trả người bán	3.190.523.195	-	3.269.779.385	-	3.190.523.195	3.269.779.385
- Chi phí phải trả	193.143.373	-	335.521.659	-	193.143.373	335.521.659
- Phải trả khác	10.259.157.640	-	1.919.673.390	-	10.259.157.640	1.919.673.390
TỔNG CỘNG	48.206.852.084	-	65.159.491.112	-	48.206.852.084	65.159.491.112

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những thông tin tài chính khác**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 22/NQ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 27/04/2023 thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2022, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 vào thời điểm phù hợp theo kế hoạch dòng tiền của Công ty, số tiền 45.044.953.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa công bố quyết định chi trả cổ tức đợt 2 theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Do vậy, Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ nợ liên quan đến việc chi trả cổ tức này trong tương lai.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Cổ đông lớn
Ông Lê Đình Lượng	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Minh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên HĐQT
Ông Lại Hợp Quốc	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Lam Thanh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tài Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Đắc Dân	Phó Giám đốc
Bà Bùi Tuyết Vân	Kế toán trưởng

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Bán điện	83.459.158.700	149.876.499.098
	Trả cổ tức	8.385.108.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan

Phải thu khách hàng	Nội dung nghiệp vụ	30/6/2023	01/01/2023
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Phải thu về bán điện	25.296.561.149	26.437.868.211
Cộng		25.296.561.149	26.437.868.211

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Tên	Mối quan hệ	Nội dung	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Ông Lê Đình Lượng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	84.000.000	72.000.000
Ông Vũ Minh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Lương, thưởng, thù lao HĐQT	363.247.054	321.198.244
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	84.000.000	72.000.000
Ông Lại Hợp Quốc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	84.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	84.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban kiểm soát	Lương, thưởng, thù lao BKS	181.425.000	155.950.000
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên BKS	Thù lao BKS	35.000.000	30.000.000
Ông Lê Lam Thanh	Thành viên BKS	Thù lao BKS	10.000.000	-
Ông Nguyễn Tài Tuấn	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	215.106.000	189.833.000
Ông Lê Đắc Dân	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	210.779.002	186.475.128
Bà Bùi Tuyết Vân	Kế toán trưởng	Lương và thưởng	222.181.000	195.322.207
Cộng			1.573.738.056	1.366.778.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

5. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**5.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023 chỉ bao gồm sản xuất và kinh doanh điện. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2023 và toàn bộ kết quả doanh thu, chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

5.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 30/6/2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Cao Bằng và Sơn La. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Sơn La	Cao Bằng	Tổng Cộng
1. Doanh thu thuần	74.360.531.970	9.098.626.730	83.459.158.700
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	74.360.531.970	9.098.626.730	83.459.158.700
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	-	-	-
2. Chi phí	37.226.439.886	11.043.637.639	48.270.077.525
Giá vốn hàng bán	34.718.171.584	10.736.790.002	45.454.961.586
Chi phí phân bổ	2.508.268.302	306.847.637	2.815.115.939
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.134.092.084	(1.945.010.909)	35.189.081.175
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	49.723.637	49.723.637
5. Tài sản bộ phận	583.553.292.581	71.402.576.684	654.955.869.265
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	583.553.292.581	71.402.576.684	654.955.869.265
7. Nợ phải trả bộ phận	51.572.111.549	6.310.274.822	57.882.386.371
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	51.572.111.549	6.310.274.822	57.882.386.371

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và 6 tháng đầu năm 2022 trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn số tiền là 15.269.367.551 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 22.921.211.469 đồng). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty những năm gần đây rất hiệu quả. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn theo đúng lịch trả nợ, chưa có tình trạng chậm trả các khoản nợ đến hạn.

**Tạ Thị Thanh Vân**

Người lập biểu

TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

**Bùi Tuyết Vân**

Kế toán trưởng

**Vũ Minh Tú**

Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Số: $\alpha\% /CV-QLCĐ-SBM$

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

V/v: giải trình chênh lệch LNST bán niên năm
2023 so với bán niên năm 2022.

Kính gửi:- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước hết, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh xin gửi tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng và hợp tác!

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh xin Báo cáo chênh lệch Lợi nhuận sau thuế (LNST) tại Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 so với bán niên năm 2022 như sau:

DVT: VNĐ

Nội dung	Bán niên/2023	Bán niên/2022	Chênh lệch	Tăng/giảm (%)
LNST	31.281.692.515	78.080.138.418	-46.798.445.903	-60%

Nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính bán niên năm 2023 so với báo cáo tài chính bán niên năm 2022 chủ yếu do:

1. Chênh lệch giảm doanh thu bán hàng (Doanh thu bán điện thương phẩm) là do lượng mua vào Bán niên/2023 thấp hơn nhiều so Bán niên/2022 dẫn đến sản lượng điện của toàn Công ty giảm 52,2 triệu Kwh, nên doanh thu Bán niên/2023 giảm 66,4 tỷ đồng so với Bán niên/2022.

2. Chênh lệch giảm giá vốn là 13,1 tỷ đồng, giảm chi phí tài chính là 2,7 tỷ đồng, giảm chi phí thuế TNDN là 3,4 tỷ đồng của Bán niên năm/2023 so với Bán niên/2022.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu QLCĐ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIÁM ĐỐC



Vũ Minh Tú